ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT VÀ ĐẠI HỌC MÔN ĐỊA LÍ - ĐỀ SỐ 1
(CÓ VIDEO CHỮA)
BIÊN SOẠN: THẦY TRẦN NGỌC PHONG

Cấu trúc đề bao gồm:

Phần I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn gồm 18 câu trắc nghiệm, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Phần II: Trắc nghiệm đúng sai, gồm 4 câu hỏi, mỗi câu 4 ý a, b, c, d, mỗi ý chọn đúng hoặc sai.

+ Trả lời đúng 1 ý được 0,1 điểm.

+ Trả lời đúng 2 ý được 0,25 điểm.

+ Trả lời đúng 3 ý được 0,5 điểm.

+ Trả lời đúng cả 4 ý được 1 điểm.

Phần III: Trắc nghiệm trả lời ngắn gồm 6 câu, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Làm nhiều đề thi thử sẽ giúp học sinh tự tin hơn, đạt kết quả cao trong kỳ thi TN THPT sắp tới.

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: (ID: 983949) Ở nước ta, trồng rừng trên thượng nguồn các dòng sông chủ yếu để hạn chế thiên tác hại của thiên tai nào sau đây?

A. Lũ quét. **B.** Ngập lụt. **C.** Rét hại. **D.** Cát chảy.

Câu 2: (ID: 983950) Vùng biển của lãnh thổ nước ta không tiếp giáp với vùng biển của quốc gia nào sau đây?

A. Thái Lan. **B.** Trung Quốc. **C.** Ma-lai-xi-a. **D.** Xin-ga-po.

Câu 3: (ID: 983951) Dạng địa hình chiếm phần lớn lãnh thổ Nhật Bản là

A. đồng bằng. **B.** thung lũng. **C.** cao nguyên. **D.** đồi núi.

Câu 4: (ID: 983952) Giờ địa phương

A. thuận tiện cho người dùng. **B.** giống nhau ở mọi địa điểm.

C. phụ thuộc độ cao Mặt Trời. **D.** đang được sử dụng phổ biến.

Câu 5: (ID: 983953) Sự phát triển chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào

A. yếu tố địa hình. **B.** nguồn thức ăn. **C.** nhân tố khí hậu. **D.** giống bản địa.

Câu 6: (ID: 983954) Phát biểu nào sau đây đúng về ngành viễn thông nước ta hiện nay?

A. Tốc độ phát triển rất nhanh. **B.** Các công nghệ còn hạn chế.

C. Nhu cầu của người dân thấp. **D.** Phát triển nhất ở miền núi.

Câu 7: (ID: 983955) Khai thác hải sản ở Bắc Trung Bộ phát triển dựa trên cơ sở chủ yếu là

A. nhiều cảng cá, hoạt động dịch vụ sôi nổi. **B.** vùng biển rộng, có các quần đảo ở xa bờ.

C. các tỉnh đều giáp biển, lao động đông đảo. **D.** biển giàu sinh bật, có các bãi cá, bãi tôm.

Câu 8: (ID: 983956) Hoạt động ngoại thương của nước ta phân hóa theo lãnh thổ chủ yếu do tác động của

A. chính sách đa dạng, phân hóa miền tự nhiên. **B.** dịch vụ phân tán, chênh lệch cơ sở hạ tầng.

C. trình độ công nghiệp hóa, mức độ hội nhập. **D.** mức sống phân hóa, nhu cầu dân cư đa dạng.

Câu 9: (ID: 983957) Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển du lịch biển đảo ở Nam Trung Bộ là

A. tạo thêm việc làm, sử dụng hợp lí tài nguyên biển, đẩy mạnh sản xuất.

B. mở rộng sản xuất hàng hóa, tạo sản phẩm đa dạng, phân bố lại dân cư.

C. thay đổi cơ cấu sản xuất, thu hút nguồn đầu tư, nâng cao vai trò vùng.

D. phát huy thế mạnh, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nâng cao mức sống.

Câu 10: (ID: 983958) Hiện nay, đặc khu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

A. Trường Sa. **B.** Bạch Long Vĩ. **C.** Vân Đồn. **D.** Côn Đảo.

Câu 11: (ID: 983959) Vùng trung du và miền núi phía Bắc

A. giáp với Lào, Cam-pu-chia ở phía tây. **B.** giáp với phần phía nam Trung Quốc.

C. tiếp giáp Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** nằm ở vị trí trung chuyển bắc – nam.

Câu 12: (ID: 983960) Hiện nay, Đồng bằng sông Hồng đứng đầu cả nước về

A. số lượng trang trại chăn nuôi. **B.** nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

C. diện tích gieo trồng lương thực. **D.** giá trị sản xuất cây công nghiệp.

Câu 13: (ID: 983961) Kinh tế của Tây Nam Á phát triển không ổn định chủ yếu do tác động của

A. khí hậu khắc nghiệt, có nhiều thiên tai. **B.** dịch bệnh, nguồn tài nguyên nghèo nàn.

C. sự bất ổn chính trị, thị trường biến động. **D.** phụ thuộc vào nước ngoài, vay nợ nhiều.

Câu 14: (ID: 983962) Các điều kiện tự nhiên chủ yếu làm cho miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới là

A. các gió hướng tây nam và đông bắc, nhiều đỉnh núi cao, độ che phủ rừng.

B. đặc điểm vị trí, địa hình, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

C. nhiệt độ trong mùa đông hạ thấp, địa hình vùng đồi núi rộng, vị trí địa lí.

D. địa hình và đất đa dạng, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 15: (ID: 983963) Cho biểu đồ sau:

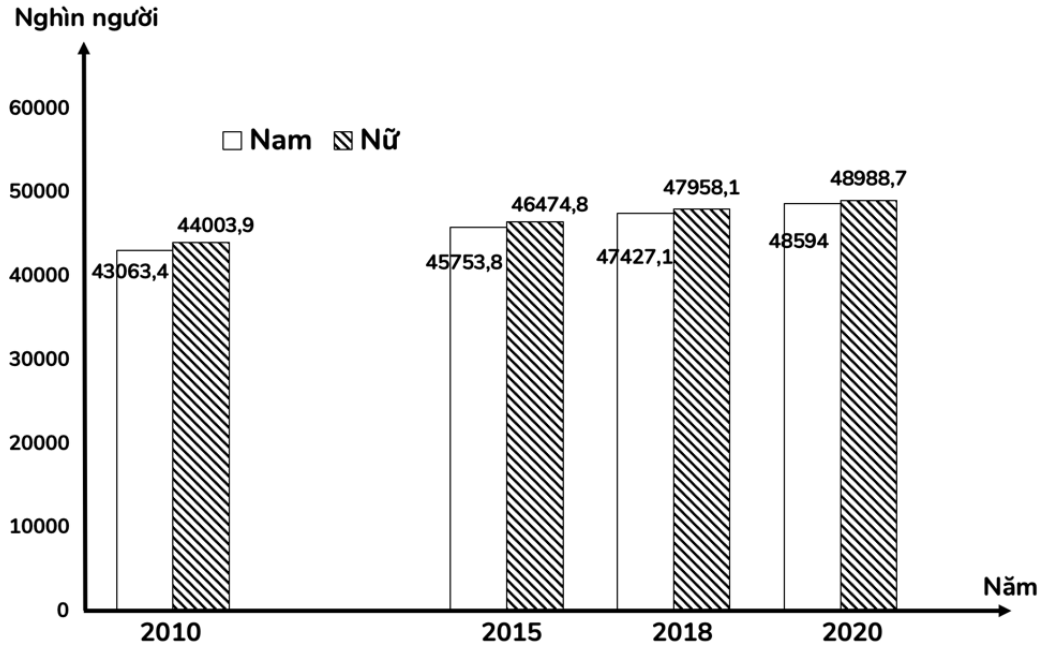

DÂN SỐ TRUNG BÌNH PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Dựa vào biểu đồ, phát biểu nào sau đây đúng về dân số trung bình phân theo giới tính của nước ta giai đoạn 2010 – 2020?

A. Tỉ lệ nữ tăng, nam giảm trong cơ cấu dân số. **B.** Số dân nữ tăng nhiều hơn so với số dân nam.

C. Số dân nam tăng chậm hơn so với số dân nữ. **D.** Tỉ số giới tính đang dần tiến tới sự cân bằng.

Câu 16: (ID: 983964) Khí tự nhiên ở nước ta được làm nhiên liệu cho

A. thủy điện. **B.** nhiệt điện. **C.** điện gió. **D.** điện mặt trời.

Câu 17: (ID: 983965) Loại hình vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay là

A. đường bộ. **B.** đường hàng không. **C.** đường biển. **D.** đường sắt.

Câu 18: (ID: 983966) Đặc điểm tự nhiên chủ yếu làm tăng thêm tính bấp bênh của nông nghiệp nước ta là

A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao. **B.** địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.

C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. **D.** đất trồng có nhiều loại và sinh vật rất phong phú.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 19: (ID: 983967) Cho thông tin sau:

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện rõ ở đặc điểm sông ngòi nước ta. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên đất liền. Sông nước ta có nhiều nước, hàm lượng phù sa lớn. Mùa lũ sông ngòi trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô. Chế độ mưa thất thường làm chế độ dòng chảy cũng thay đổi thất thường.

a. Mùa lũ của sông ngòi Bắc Bộ và Nam Bộ rơi vào mùa hạ, còn sông ngòi Trung Bộ chủ yếu vào thu đông.

b. Mật độ sông ngòi của nước ta dày, chủ yếu là các sông lớn.

c. Sông ngòi nước ta nhiều phù sa do quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi.

d. Do nằm trong vùng nhiệt đới nên sông ngòi nhiều nước, phân mùa nước rõ rệt.

Câu 20: (ID: 983968) Cho thông tin sau:

Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là khu công nghệ cao tập trung thực hiện hoạt động ứng dụng thành tựu nghiên cứu và phát triển công nghệ cao vào lĩnh vực nông nghiệp. Tính đến năm 2023, trên cả nước đã có 6 khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã đi vào hoạt động, 290 doanh nghiệp, 2 000 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh hoạt động và đóng góp vào tăng trưởng GDP toàn ngành nông nghiệp là 3,83%.

a. Mục đích chủ yếu của phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là tạo ra nguồn nông sản lớn phục vụ nhu cầu tự cung, tự cấp của nông dân, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, khai thác tốt sự đa dạng của tự nhiên.

b. Khó khăn chủ yếu trong phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở nước ta là nguồn vốn cần đầu tư lớn, thiếu nhân lực kĩ thuật chuyên sâu, chuyển giao công nghệ còn chậm,…

c. Hiện nay, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là hình thức tổ chức sản xuất lãnh thổ nông nghiệp đóng góp lớn nhất trong giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp của nước ta.

d. Nước ta chưa có sự đa dạng các lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp.

Câu 21: (ID: 983969) Cho biểu đồ:

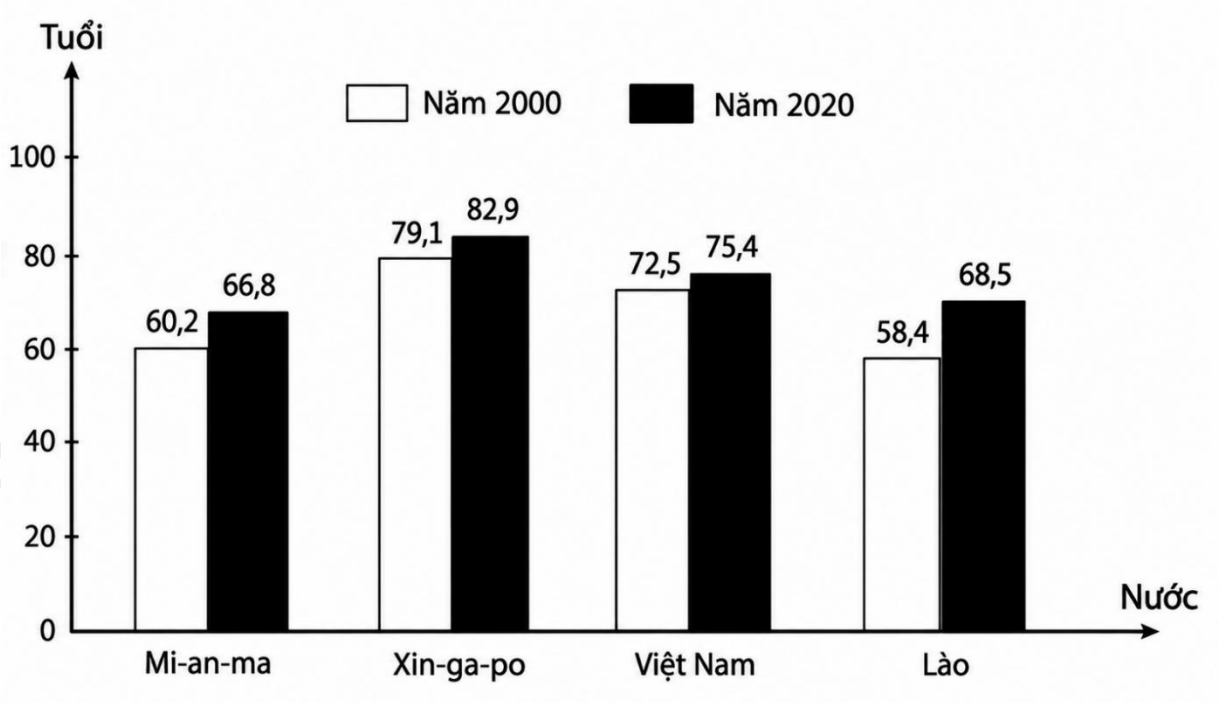

Tuổi thọ trung bình của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2000 và năm 2020

a. Tuổi thọ trung bình của các quốc gia Đông Nam Á ngày càng tăng.

b. Tuổi thọ trung bình của Việt Nam tăng nhiều hơn so với Xin-ga-po và Lào.

c. Tuổi thọ trung bình của Mi-an-ma tăng nhanh nhất do mức sống tăng, kinh tế đứng hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

d. Xin-ga-p có tuổi thọ trung bình luôn cao nhất nhưng lại tăng ít nhất.

Câu 22: (ID: 983970) Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc có thiên nhiên đa dạng đã tạo nên các thế mạnh trong phát triển nông nghiệp. Vùng tạo được một số thương hiệu nông sản đặc trưng. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp của vùng vẫn còn không ít khó khăn.

a. Một số thế mạnh của Trung du và miền núi phía Bắc trong phát triển nông nghiệp là tài nguyên đất và khí hậu đa dạng, giáp vùng biển giàu tiềm năng.

b. Hiện nay, Trung du và miền núi phía Bắc đứng đầu cả nước về đàn trâu, diện tích trồng chè và trồng cây dược liệu.

c. Biện pháp chủ yếu để tăng hiệu quả trong trồng cây công nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc là nâng cao chất lượng lao động, mở rộng diện tích sản xuất, đảm bảo giao thông.

d. Mục đích chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc là khai thác sự đa dạng của thiên nhiên.

III PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 23: (ID: 983971) Biết rằng năm 2021 tổng dân số của nước ta là 98 506,2 nghìn người, dân số thành thị là 36 563,3 nghìn người. Hãy cho biết tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu % *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).*

Câu 24: (ID: 983972) Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng trong năm 2024 tại Bãi Cháy và Nam Định

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Bãi Cháy	56,6	9,6	23,2	104,6	354,7	723,0	949,4	341,9	697,5	7,6	1,8	0,9
Nam Định	46,3	20,6	83,8	19,6	253,0	275,0	526,0	270,8	831,8	60,6	12,3	3,7

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết lượng mưa cực đại của Bãi Cháy gấp bao nhiêu lần lượng mưa tháng mưa cực tiểu của Nam Định *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).*

Câu 25: (ID: 983973) Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Đà Nẵng năm 2023

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	184,0	88,4	15,9	22,7	55,9	106,3	89,7	32,3	456,5	1836,2	742,0	317,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng lượng mưa của Đà Nẵng năm 2023 là bao nhiêu mm *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).*

Câu 26: (ID: 983974) Năm 2024, nước ta có doanh thu dịch vụ bưu chính là 38,9 nghìn tỉ đồng, doanh thu dịch vụ viễn thông là 358,4 nghìn tỉ đồng. Hãy cho biết tỉ trọng doanh thu dịch vụ viễn thông trong tổng doanh

thu ngành bưu chính viễn thông của nước ta năm 2024 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 27: (ID: 983975) Cho bảng số liệu:

Sản lượng hải sản khia thác của Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2021
Sản lượng hải sản khai thác	707,1	1 167,9
Trong đó: cá biển khai thác	516,9	966,0

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho tỉ trọng cá biển khai thác trong tổng sản lượng hải sản khai thác của Nam Trung Bộ năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).*

Câu 28: (ID: 983976) Năm 2021, sản lượng lúa của nước ta là 43,9 triệu tấn, diện tích gieo trồng lúa là 7,2 triệu ha. Hãy cho biết năng suất lúa của nước ta là bao nhiêu tạ/ha *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).*

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

1.A	2.D	3.D	4.C	5.B	6.A	7.D	8.C	9.D	10.D
11.B	12.A	13.C	14.B	15.B	16.B	17.C	18.C		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "trồng rừng trên thượng nguồn các con sông", "hạn chế tác hại của thiên tai".

Thiên tai và biện pháp phòng chống.

- Dựa vào nội dung chuyên đề một số thiên tai và biện pháp phòng chống.

Cách giải:

Rừng phòng hộ đầu nguồn ở thượng nguồn các dòng sông có vai trò điều tiết nước, giữ đất, giảm tốc độ dòng chảy bề mặt nhằm hạn chế lũ quét, sạt lở đất.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "vùng biển của lãnh thổ nước ta", "không tiếp giáp với vùng biển của quốc gia".

- Dựa vào nội dung vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Vùng biển Việt Nam thuộc Biển Đông, có diện tích khoảng 1 triệu km2. Vùng biển Việt Nam tiếp giáp với vùng biển của các quốc gia: Trung Quốc, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia và Thái Lan. Xin-ga-po là nước không có ranh giới biển tiếp giáp trực tiếp với Việt Nam.

Chọn D.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "dạng địa hình", "chiếm phần lớn lãnh thổ Nhật Bản".

- Dựa vào nội dung điều kiện tự nhiên Nhật Bản.

Cách giải:

Dạng địa hình chiếm phần lớn lãnh thổ Nhật Bản là đồi núi (chiếm khoảng 75% diện tích lãnh thổ).

Chọn D.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung hệ quả địa lí của chuyển động tự quay quanh trục => xác định giờ địa phương.

Cách giải:

Giờ địa phương hay còn gọi là (giờ mặt trời), được xác định dựa vào vị trí và độ cao của Mặt Trời trên bầu trời tại từng kinh tuyến.

Chọn C.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Trong sản xuất nông nghiệp, thức ăn là cơ sở để phát triển và phân bố ngành chăn nuôi. Sự phát triển và quy mô của ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào nguồn thức ăn (từ trồng trọt, đồng cỏ, công nghiệp chế biến,…)

Chọn B.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành viễn thông.

Cách giải:

Ngành viễn thông Việt Nam những năm qua có tốc độ phát triển rất nhanh, đi tắt đón đầu về công nghệ (5G, mạng cáp quang phủ rộng, chuyển đổi số...).

Chọn A.

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "khai thác hải sản Bắc Trung Bộ"; "dựa trên cơ sở chủ yếu".
- Dựa vào nội dung phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vùng Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Bắc Trung Bộ có vùng biển rộng, sinh vật biển phong phú với nhiều bãi cá, bãi tôm lớn (như bãi cá cá đáy, bãi tôm ven bờ) tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác hải sản.

Chọn D.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa: "hoạt động thương mại", "phân hóa theo lãnh thổ".
- Dựa vào nội dung ngành thương mại nước ta.

Cách giải:

Hoạt động ngoại thương (xuất - nhập khẩu) phụ thuộc vào năng lực sản xuất của nền kinh tế (trình độ công nghiệp hóa) và mức độ mở cửa, liên kết với thị trường thế giới (mức độ hội nhập). Các vùng có kinh tế phát

triển, hội nhập sâu (như Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng) luôn có hoạt động ngoại thương phát triển mạnh hơn các vùng khác

Chọn C.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "ý nghĩa chủ yếu", "phát triển du lịch biển đảo", "Nam Trung Bộ".
- Dựa vào nội dung các ngành kinh tế Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Nam Trung Bộ có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, bãi biển đẹp và hòn đảo. Phát triển du lịch biển đảo giúp phát huy thế mạnh sẵn có của vùng, thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân.

Chọn D.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung khái quát Đông Nam Bộ => Xác định đặc khu thuộc vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Côn Đảo là đặc khu thuộc vùng Đông Nam Bộ.

Chọn D.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung khái quát vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Cách giải:

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có vị trí lãnh thổ phía Bắc giáp với phần phía nam của Trung Quốc. Phía Tây của vùng giáp Lào.

Chọn B.

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung tình hình phát triển và phân bố ngành nông nghiệp.

Cách giải:

- Hiện nay, Đồng bằng sông Hồng đứng đầu cả nước về số lượng trang trại chăn nuôi.
- B, C sai vì Đồng bằng sông Cửu Long đừng đầu cả nước về nuôi trồng thủy sản nước ngọt, diện tích gieo trồng cây lương thực.
- D sai vì Đông Nam Bộ đứng đầu cả nước về giá trị sản xuất cây công nghiệp.

Chọn A.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "kinh tế Tây Nam Á", "phát triển không ổn định", "chủ yếu do tác động".
- Dựa vào nội dung kinh tế khu vực Tây Nam Á.

Cách giải:

Khu vực Tây Nam Á giàu dầu mỏ nhưng nền kinh tế phát triển không ổn định chủ yếu do các tranh chấp, xung đột quân sự, sự bất ổn về chính trị và sự biến động giá năng lượng trên thị trường thế giới.

Chọn C.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "các điều kiện tự nhiên", "miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ", "sinh vật cận nhiệt và ôn đới".
- Dựa vào nội dung các miền địa lí tự nhiên (Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ).

Cách giải:

=> Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có sinh vật cận nhiệt và ôn đới chủ yếu do sự kết hợp của vị trí địa lí + địa hình núi cao + khí hậu có mùa đông lạnh.

Miền này nằm ở phía Bắc nước ta nên vào mùa đông vẫn chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, làm nhiệt độ giảm. Tuy nhiên, miền có địa hình rất cao, nhất là khu vực Tây Bắc với dãy Hoàng Liên Sơn và nhiều đỉnh trên 2 000 – 3 000 m. Khi độ cao tăng, nhiệt độ giảm (trung bình khoảng 0,6°C/100 m), từ đó hình thành các đai khí hậu cận nhiệt và ôn đới trên núi. Vì vậy có thể xuất hiện những loài sinh vật vốn thích nghi với điều kiện mát hoặc lạnh.

Chọn B.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Nhận xét biểu đồ.

- A, sử dụng công thức tính "Tỉ lệ"= (Giá trị thành phần / Tổng giá trị) * 100
- B, sử dụng công thức tính "Tăng nhiều/Tăng ít = Giá trị năm cuối – Giá trị năm đầu
- C, sử dụng công thức tính "Tăng nhanh/Tăng chậm= Giá trị năm cuối / Giá trị năm đầu
- D, sử dụng công thức tính "Tỉ số giới tính = (Số dân nam / Số dân nữ) * 100

Cách giải:

- A sai vì tỉ lệ nữ giảm từ 50,5% (năm 2010) xuống còn 50,2% (năm 2021) và tỉ lệ nam tăng từ 49,5% (năm 2010) lên 49,8% (năm 2021) trong cơ cấu dân số.
- B sai vì số dân nam tăng 5 530,6 nghìn người; trong đó số dân nữ tăng 4 984,8 nghìn người => số dân nam tăng nhiều hơn số dân nữ.
- C sai vì số dân nam tăng 1,13 lần trong khi số dân nữ tăng 1,11 lần => số dân nam tăng nhanh hơn số dân nữ.

=> Tỉ số giới tính đang dần tiến tới sự cân bằng là nhận xét đúng.

Chọn D.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "khí tự nhiên", "nhiên liệu".
- Dựa vào nội dung "công nghiệp khai thác khí tự nhiên".

Cách giải:

Khí tự nhiên khai thác từ các mỏ khí (như Lan Tây, Lan Đỏ, Cái Nước...) được dẫn bằng đường ống về đất liền làm nhiên liệu chạy các nhà máy nhiệt điện khí (như Cụm nhiệt điện Phú Mỹ, Cà Mau, Nhơn Trạch,…).

Chọn B.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "loại hình vận tải", "khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất".
- Dựa vào nội dung giao thông vận tải.

Cách giải:

Loại hình vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay là đường biển.

=> Khối lượng luận chuyển được tính bằng (Luân chuyển = Khối lượng hàng hóa * Quãng đường)

=> Khối lượng *luân chuyển* lớn nhất do đặc tính vận chuyển hàng hóa đường dài trên biển.

Chọn C.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa "đặc điểm tự nhiên", "tăng tính bấp bênh của nông nghiệp".
- Dựa vào nội dung ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất, đời sống.

Cách giải:

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa làm cho khí hậu Việt Nam diễn biến thất thường, nhiều thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, sương muối, rét hại...). Sự thất thường của thời tiết làm cho năng suất và sản lượng nông nghiệp bị bấp bấp, không ổn định.

Chọn C.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu	19	20	21	22
Đáp án	ĐSĐS	SĐSS	ĐSSS	SĐSS

Câu 19 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và kết hợp với kiến thức phần Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

a) Đúng vì nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sông ngòi nước ta là nước mưa. Bắc Bộ và Nam Bộ mưa nhiều vào mùa hạ => lũ ở đây vào mùa hạ. Trung Bộ mưa nhiều vào mùa thu đông => lũ ở đây vào m ùa thu đông.

b) Sai vì nước ta chủ yếu là sông nhỏ, ngắn, dốc. Các sông lớn như sông Hồng, sông Cửu Long,… chảy từ nước ngoài về lãnh thổ nước ta.

c) Đúng vì quá trình xâm thực mạnh ở miền núi nước ta sẽ tạo ra nhiều vật liệu -> được sông ngòi vận chuyển -> đem lại một lượng phù sa lớn cho sông ngòi.

d) Sai vì sông ngòi ở nước ta nhiều nước do có lượng mưa lớn, phân mùa nước rõ rệt do sự phân mùa của khía hậu với hai mùa mưa – khô rõ rệt.

Câu 20 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và kết hợp kiến thức bài Tổ chức lãnh thổ nông (Khu nông nghiệp công nghệ cao).

Cách giải:

a) Sai. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hướng tới sản xuất hàng hóa, không phải sản xuất chủ yếu để người nông dân tự tiêu dùng. Ngoài ra, "khai thác tốt sự đa dạng của tự nhiên" cũng không phải mục tiêu chủ yếu của mô hình khu nông nghiệp công nghệ cao. Bởi vì, mô hình này còn giúp sản xuất ít phụ thuộc hơn vào điều kiện tự nhiên.

b) Đúng. Nông nghiệp công nghệ cao cần đầu tư vào nhà kính, máy móc tự động, hệ thống tưới thông minh, cảm biến, giống chất lượng cao, công nghệ sinh học, hệ thống quản lí dữ liệu,.... nên chi phí đầu tư ban đầu lớn. Đồng thời, máy móc và công nghệ hiện đại đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn, trong khi nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế

c) Sai. Số lượng khu nông nghiệp công nghệ cao vẫn còn tương đối ít so với các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp trên toàn quốc. Tính đến năm 2025, nước ta đã có 11 khu nông nghiệp công nghệ cao cấp quốc gia, thu hút nhiều doanh nghiệp và hợp tác xã.

d) Sai. Nước ta đã có sự đa dạng các lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Ví dụ: Công nghệ cao có thể được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực: Trồng trọt: nhà kính, tưới tự động, cảm biến, giống mới,...; Chăn nuôi: chuồng trại tự động, kiểm soát nhiệt độ, thức ăn và dịch bệnh,...; Thủy sản: kiểm soát môi trường nước, cho ăn tự động, công nghệ giống,...

Câu 21 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và tính toán.

a) Dựa vào biểu đồ để nhận xét.

b) Sử dụng công thức: "Tăng nhiều/Tăng ít = Giá trị năm cuối – Giá trị năm đầu"

c) Sử dụng công thức: "Tăng nhanh/Tăng chậm = Giá trị năm cuối / Giá trị năm đầu"

d) Dựa vào biểu đồ và kết quả tính câu b) để nhận xét.

Cách giải:

a) Đúng. "Tuổi thọ trung bình của các quốc gia Đông Nam Á ngày càng tăng."

+ Mi-an-ma: Năm 2000 là 60,2 tuổi đến năm 2020 là 66,8 tuổi.

+ Xin-ga-po: Năm 2000 là 79,1 tuổi đến năm 2020 là 82,9 tuổi.

+ Việt Nam: Năm 2000 là 72,5 tuổi đến năm 2020 là 75,4 tuổi.

+ Lào: Năm 2000 là 58,4 tuổi đến năm 2000 là 68,5 tuổi.

b) Sai. Tuổi thọ trung bình của Việt Nam tăng ít hơn so với Xin-ga-po và Lào.

+ Việt Nam: 75,4 tuổi − 72,5 tuổi = 2,9 tuổi

+ Xin-ga-po: 82,9 tuổi − 79,1 tuổi = 3,8 tuổi

+ Lào: 68,5 tuổi − 58,4 tuổi = 10,1 tuổi

=> Việt Nam 2,9 < Xin-ga-po 3,8 < Lào 10,1

c) Sai. Tuổi thọ trung bình của Mi-an-ma không tăng nhanh nhất và cũng không phải nguyên nhân mức sống tăng, kinh tế đứng hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

+ Mi-an-ma: 66,8 tuổi / 60,2 tuổi = 1,11 (lần)

+ Việt Nam: 75,4 tuổi / 72,5 tuổi = 1,04 (lần)

+ Xin-ga-po: 82,9 tuổi / 79,1 tuổi = 1,04 (lần)

+ Lào: 68,5 tuổi / 58,4 tuổi = 1,17 (lần)

d) Sai. "Xin-ga-po có tuổi thọ trung bình luôn cao nhất nhưng lại tăng ít nhất."

+ Năm 2000: Xin-ga-po 79,1 > Việt Nam 72,5 > Mi-an-ma 60,2 > Lào 58,4

+ Năm 2020: Xin-ga-po 82,9 > Việt Nam 75,4 > Lào 68,5 > Mi-an-ma 66,8

=> Xin-ga-po cao nhất ở cả hai năm.

=> Như đã tính ở đáp án b, Việt Nam là nước có tuổi thọ trung bình tăng ít nhất.

Câu 22 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và kết hợp với kiến thức phần Trung du và miền núi phía Bắc.

Cách giải:

a) Sai vì Trung du và miền núi phía Bắc không giáp biển.

b) Đúng. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc chiếm hơn 50% tổng đàn trâu cả nước và có diện tích trồng chè lớn nhất nước ta.

c) Sai vì biện pháp quan trọng nhất để tăng hiệu quả trong trồng cây công nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc là cần phải hình thành các vùng chuyên canh (trồng tập trung trên diện tích lớn để mở rộng quy mô, khai

thác thế mạnh của vùng, áp dụng công nghệ vào sản xuất), phát triển công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường,…

d) Sai vì mục đích chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc là hướng đến phát triển kinh tế.

III PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu	23	24	25	26	27	28
Đáp án	63	257	3947	90,2	9,6	61

Câu 23 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính tỉ lệ dân nông thôn.

Tỉ lệ dân nông thôn = (Số dân nông thôn/Tổng số dân)*100

Cách giải:

* Cách 1:

Số dân nông thôn của nước ta là: 98 506,2 - 36 563,3 = 61 942,9

=> Tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là: (61 942,9/98 506,2)*100 = 63%.

* Cách 2:

Tỉ lệ dân thành thị của nước ta là: (36 563,3/98 506,2)*100 = 27%

=> Tỉ lệ dân thành thị là: 100 – 27 = 63%.

Câu 24 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính chênh lệch lượng mưa cực đại và cực tiểu.

Chênh lệch lượng mưa =Lượng mưa cực đại Bãi Cháy / Lượng mưa cực tiểu Nam Định

Cách giải:

lượng mưa cực đại của Bãi Cháy gấp bao nhiêu lần lượng mưa tháng mưa cực tiểu của Nam Định là:

949,4 / 3,7 ≈ 257 (lần)

Câu 25 (NB):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính tổng lượng mưa.

Tổng lượng mưa = Lượng mưa tháng 1 + Lượng mưa tháng 2 + … + Lượng mưa tháng 12.

Cách giải:

Tổng lượng mưa của Đà Nẵng năm 2023 là: 184,0 + 88,4 + …+ 317,2 = 3947,1 ≈ 3947 mm.

Câu 26 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính tỉ trọng.

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Giá trị tổng)*100.

Cách giải:

Tỉ trọng doanh thu dịch vụ viễn thông trong tổng doanh thu ngành bưu chính viễn thông của nước ta năm 2024 là: 358,4 / (38,9 + 358,4) * 100 ≈ 90,2 (%)

Câu 27 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính tỉ trọng.

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Giá trị tổng)*100.

Cách giải:

- Tỉ trọng cá biển khai thác trong tổng sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2010 là: (*516,9*/707,1)*100 = 73,1%

- Tỉ trọng cá biển khai thác trong tổng sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021 là: (*966,0*/1167,9)*100 = 82,7%

=> Tỉ trọng cá biển khai thác trong tổng sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021 so với năm 2010 thay đổi: 82,7% - 73,1% = 9,6%.

Câu 28 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính năng suất.

Năng suất = Sản lượng/Diện tích.

Cách giải:

Đổi 43,9 triệu tấn = 439 triệu tạ.

=> Năng suất lúa của nước ta là: 439/7,2= 61 tạ/ha.